

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2024/DS-ST

Ngày: 28/08/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Võ Văn Hùng**.
- Ông **Nguyễn Kim Huy Bằng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 và ngày 28 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: A, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1982 trú tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh L là người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị T** (Văn bản ủy quyền số 8927 ngày 11/06/2024). (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 02/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:**

Từ giữa năm 2020 đến ngày 01/07/2023, bà L có cho bà Trần Thị T vay nhiều lần sau đó chốt lại số tiền vốn là 350.000.000 đồng, có thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng nhưng do hoàn cảnh của bà T khó khăn nên bà T không có đóng lãi cho bà khoản nào từ ngày hai bên thống nhất số tiền nợ 350.000.000 đồng và bà T viết biên nhận nợ bà số tiền 350.000.000 đồng. Đến cuối năm 2023 thì bà T xin trả dần hàng tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng thì

bà không đồng ý cho trả dần hàng tháng.

Nay bà Lê Thị L yêu cầu bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Liên số tiền nợ vốn vay là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 20/06/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị T – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Văn Đ trình bày:**

Anh Trần Văn Đ đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T khẳng định số tiền 350.000.000 đồng mà bà L yêu cầu bà T trả là tiền lãi của các lần vay mượn trước do bà T không có khả năng đóng trong các năm dịch bệnh Covid từ năm 2020 - năm 2023. Đến ngày 01/07/2023, sau khi thỏa thuận thống nhất thì bà T có viết biên nhận có nợ bà Liên số tiền 350.000.000 đồng (sau khi bà T đã trả cho bà L số tiền nợ vốn + lãi là 1.000.000.000 đồng). Trong biên nhận nợ do bà L cung cấp thì bà T thừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký tên là của bà T viết ký tên nhưng dòng chữ “Cuối năm trả” thì không phải nét chữ của bà T viết. Khi bà T viết biên nhận nợ thì hai bên có thỏa thuận miệng là bà L cho bà T trả dần hàng tháng không tính lãi nhưng thỏa thuận này không có ghi trong biên nhận nợ.

Nay bà Trần Thị T xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số nợ 350.000.000 đồng. Do hoàn cảnh của bà T rất khó khăn đã 02 lần bán tài sản để có tiền trả nợ cho bà L các khoản vay trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Trần Thị T cư trú tại G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ tiền vay là 350.000.000 đồng thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, bà Lê Thị L đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Giấy biên nhận nợ ngày 01/07/2023 và bà L khẳng định Giấy biên nhận nợ ngày 01/07/2023 do bà Trần Thị T viết biên nhận và ký tên viết tên, chỉ trừ hàng chữ “Cuối năm trả” là của bà L viết.

[3] Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 20/06/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị T – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Văn Đ thừa nhận toàn bộ chữ viết trong bản gốc Giấy biên nhận ngày 01/07/2023 và chữ ký tên viết tên là của bà Trần Thị T nhưng dòng chữ “Cuối năm trả” thì không phải nét chữ của bà

T. Bà Trần Thị T – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Văn Đ xác nhận có nợ bà Lê Thị L số tiền 350.000.000 đồng nhưng bà T cho rằng số tiền 350.000.000 đồng là tiền lãi của các khoản vay trước đó, cho nên việc bà L yêu cầu trả bà một lần ngay khi án có hiệu lực thì bà T không đồng ý mà xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số tiền nợ 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L xác định tổng số tiền nợ của bà Trần Thị T vay của bà nhiều lần từ năm 2018 đến năm 2023 thì hai bên chốt lại số tiền nợ là 1.350.000.000 đồng trong đó bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Bà L thừa nhận bà T đã trả cho bà số tiền nợ 1.000.000.000 đồng rồi còn lại số tiền 350.000.000 đồng thì bà T viết biên nhận nợ bà số tiền 350.000.000 đồng này. Hai bên thỏa thuận miệng đến cuối năm 2023 thì bà T phải trả dứt điểm cho bà số tiền nợ 350.000.000 đồng nhưng bà T chưa trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả ngay một lần số tiền 350.000.000 đồng, bà L không đồng ý cho trả nhiều lần.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L và bà Trần Thị T cùng thống nhất xác định tổng số tiền bà Trần Thị T nợ bà Lê Thị L là 1.350.000.000 đồng, bà T đã bán đất trả cho bà L số tiền 1.000.000.000 đồng còn nợ lại 350.000.000 đồng. Cả hai bên, bà Lê Thị L và bà Trần Thị T không biết rõ trong tổng số tiền nợ 1.350.000.000 đồng mà hai bên đã chốt lại trong năm 2023 thì có bao nhiêu là tiền nợ gốc và bao nhiêu tiền nợ lãi từ năm 2018 đến năm 2023. Hiện nay, số tiền nợ mà bà T vay nhiều lần của bà L từ năm 2018 đến năm 2020 thì bà T cũng không biết rõ là bao nhiêu, biên nhận các lần bà T mượn thì hai bên không còn lưu giữ mà chỉ có biên nhận ngày 01/07/2023 thể hiện số tiền nợ 350.000.000 đồng do bà Trần Thị T tự viết biên nhận và ký tên trong biên nhận.

Tại bản gốc Giấy biên nhận ngày 01/07/2023 chỉ thể hiện nội dung “Tôi tên Trần Thị T có mượn của cô L số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) ngày 01/07/2023”. Trong biên nhận ngày 01/07/2023 do bà T viết chỉ có thể hiện số tiền nợ 350.000.000 đồng, ngoài ra không có thể hiện nội dung nào khác. Do đó, lời trình bày của bà Trần Thị T cho rằng số tiền 350.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền nợ 1.000.000.000 đồng là không có cơ sở. Ngoài ra trong biên nhận nợ ngày 01/07/2023, cũng không có thể hiện nội dung nào là bà L đồng ý cho bà T trả dần hàng tháng đến hết số tiền nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị T có cung cấp 02 người làm chứng là bà Trịnh Hồng Th và bà Đỗ Thị Ng. Nhận thấy tại phiên tòa, bà Trịnh Hồng Th và bà Đỗ Thị Ng cùng trình bày do ở gần nhà nên cả hai người có mối quan hệ bạn bè quen biết với bà Lê Thị L và bà Trần Thị T. Trong quá trình đi tập thể dục chung thì bà Th và bà Ng có nghe bà Lê Thị L và bà Trần Thị T kể lại việc vay mượn tiền giữa hai bên bà L và bà T chứ không có chứng kiến trực tiếp việc giao nhận tiền giữa bà L và bà T. Do đó, qua lời trình bày bà Trịnh Hồng Th và bà Đỗ Thị Ng tại phiên tòa không có căn cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà T là có cơ sở.

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, bà Lê Thị L yêu cầu bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ vay là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, bà Trần Thị T là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ không trả nợ cho bà Lê Thị L. Nay bà Lê Thị L yêu cầu bà Trần Thị T trả cho bà L số tiền nợ 350.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do bà Trần Thị T đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ nên cần buộc bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Trần Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng.

Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006057 ngày 02 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 28 tháng 08 năm 2024, Có mặt nguyên đơn bà Lê Thị L; Có mặt bị đơn bà Trần Thị T - Vắng mặt anh Trần Văn Đ – Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M.
- Chi cục THADS. TP M
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo